| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN YÊN MINH**<br>**TỈNH HÀ GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 17/2022/HS-ST
Ngày 30 tháng 11 năm 2022

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MINH, TỈNH HÀ GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Hoàng Văn Đạng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Bà Phạm Thị Thỏa, nghề nghiệp: Giáo viên (nghỉ hưu);

+ Ông Nguyễn Đình Bình, nghề nghiệp: Cán bộ (nghỉ hưu).

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Lâm Thái Hùng là Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà:*** Bà Đặng Thị Lài - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 16/2022/TLST-HS ngày 27/10/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-HS ngày 18/11/2022 đối với các bị cáo:

1. Lù Thị C, sinh năm 1948, tại xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi đăng ký HKTT: Thôn N, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn): 0/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lù Chá D (đã chết) và bà Thò Thị M (đã chết); có chồng Kháng Sìa P (đã chết); con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1976, con nhỏ nhất đã chết; tiền án tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Vừ Thị C1 sinh năm 1980, tại xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi đăng ký HKTT: Thôn N, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn): 0/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vừ Nhè T (đã chết) và bà Vàng Thị M, sinh năm 1948; có chồng Kháng Sáy V (đã chết); con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Khá Mí P, sinh năm 1996, tại xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ

văn hóa (học vấn): 0/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kháng Dũng L, sinh năm 1977 và bà Thò Thị M, sinh năm 1976; có vợ Lù Thị M, sinh năm 1998; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị tạm giữ ngày 20/8/2022 hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Yên Minh. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Khá Mí P:* Ông Cao Xuân Bé Luật sư thực hiện việc trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Các bị hại:* 1. Kháng Mí S, sinh ngày 04/9/2010; nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2. Kháng Mí Dung, sinh ngày 27/10/2012; nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại Kháng Mí S Kháng Mí D:* Bà Nguyễn Thị L – Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Kháng Mí S Kháng Mí D:* Bà Lục Thùy Linh – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

+ Người đại diện hợp pháp của người dưới 18 tuổi bị hại Kháng Mí S, Kháng Mí D: Ông Vừ Mí Tủa – Phó Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

+ Người làm chứng: Cháu Mùa Thị L, ông Thò Chá H, bà Hầu Thị V. Vắng mặt; bà Lù Thị M. Có mặt.

+ Người đại diện hợp pháp của người làm chứng Mùa Thị L: Ông Mùa Mí S, sinh năm 1990; nơi cư trú: Xóm N, xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

+ Người phiên dịch tiếng dân tộc Mông: Ông Chảo Mí Hồ; trú tại: Thôn Thành Minh, thị trấn Yên Minh, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 22 giờ ngày 11/8/2022, Vừ Thị C1 nhận được điện thoại của Lù Mí S nói là nhìn thấy Kháng Mí S vào nhà của bà C1 lấy trộm cơm ăn. Sau khi đến nơi thấy S đang đứng ở trước cửa, C1 chửi S là sao suốt ngày bỏ nhà đi mà không ở nhà giúp bà làm việc. Lúc này, Lù Thị C nghe thấy nên đi lên nhà C1 và bảo bà C1 lấy dây buộc S lại và đưa xuống nhà C để mai C gọi Khá Mí P đến để dạy bảo S. Sau đó, C1 lấy một đoạn dây điện trói hai tay S ra trước và đưa S đến nhà C, C1 trói hai tay S vào chân giường ngủ rồi đi về nhà. Đến đêm, Mùa Thị L phát hiện S bị trói nên nới lỏng dây trói và cho S ăn cơm. Sau khi S ăn cơm xong thì C bảo L trói tay S lại ở vị trí cũ. Đến khoảng 07 giờ ngày 12/8/2022

L cởi trói cho S ăn cơm, sau khi ăn xong C lại lấy dây buộc hai tay S lại vào vị trí cũ và bảo L trông coi S rồi C đi sang hàng xóm mượn điện thoại của Thò Thị C ở cùng thôn, gọi điện cho Khá Mí P nói là "Hôm qua Sỉnh đi sang nhà C1 lấy trộm cơm ăn và bị phát hiện, giờ S đang ở nhà bà, tí cháu sang nhà bà để đưa S đi và dạy dỗ S", P nói là tí nữa sẽ sang. Lúc này, S tự cởi dây buộc tay ra và bỏ chạy. Do lo sợ bà C chửi nên khi phát hiện S và Kháng Mí D (em trai của S) đang ở trong hang đá gần đó nên L dùng sợi dây vải trói hai tay của S và D về phía sau rồi dắt S và D về giao lại cho C, C buộc dây trói tay S và D vào gốc cây tre gần đó và mượn điện thoại của Thò Thị C tiếp tục gọi điện cho P nói là sang nhà C1 để đưa S và D về dạy bảo, thấy vậy P đồng ý. Do thấy trời mưa nên Lý đã đưa S, D buộc ở thành giường ngủ nhà C1. Sau khi nhận được điện thoại của C, Khá Mí P cùng vợ là Lù Thị M, sinh năm 1998 đi sang nhà bà C1 Khi đến nhà C1 thì P thấy S, D đang đứng, hai tay bị trói ra sau và buộc ở thành giường tại gian phòng khách. Lúc này, do bực tức vì P dạy bảo S, D không nghe lời, nên khi P nhìn thấy ở giá đựng đồ ở trên bếp lửa có 01 thanh kim loại màu đen, một đầu nhọn, một đầu cong gập, dài 69 cm nên P đã đi ra sau nhà lấy củi về đun bếp lửa rồi lấy thanh kim loại cho bếp lửa làm nóng, P tiếp tục tìm 01 con dao quắm bằng kim loại dài 46 cm, chuôi bằng gỗ dài 19 cm, bản rộng nhất 3,5 cm ở trong nhà cho vào bếp lửa. Khi thấy thanh sắt và con dao đã nóng, P bắt đầu dùng con dao quắm dí vào tay, chân của S nhiều lần gây bỏng nhiều vết trên tay, chân của S, thấy vậy Lù Thị M có căn ngăn nhưng không được, P tiếp tục lấy thanh kim loại ở bếp lửa đã nung nóng dí nhiều lần vào tay, chân của D gây bỏng. Sau đó, M cởi trói cho S và D rồi P đưa S và D đi sang nhà ông Kháng Nhè D (là ông nội của S và D) và bảo ông D chăm sóc S và D. Ngày 17/8/2022 Công an xã D đã tiếp nhận tố giác và đưa S, D đi điều trị tại Bệnh viện đa khoa khu vực huyện Y, Sau khi tiếp nhận, Công an xã D đã báo cáo vụ việc đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Minh để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận giám định pháp y đối với trẻ em bị hành hạ, ngược đãi, đánh đập số: 73/TgT/TTTE, ngày 24/8/2022 của Trung tâm Pháp y, Sở y tế tỉnh Hà Giang đối với Kháng Mí S kết luận:

*"- Căn cứ Bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành kèm theo Thông tư 22/2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 10% (Mười phần trăm).*

*- Cơ chế hình thành thương tích: Các thương tích trên cơ thể Kháng Mí S do vật bằng kim loại được nung nóng có nhiệt độ cao (khoảng 50$^{0}$C đến 60$^{0}$C), tác động trực tiếp với bề mặt da theo nhiều chiều hướng khác nhau gây nên tổn thương phần mềm, không tổn thương xương."*

Tại Bản kết luận giám định pháp y đối với trẻ em bị hành hạ, ngược đãi, đánh đập số: 74/TgT/TTTE, ngày 24/8/2022 của Trung tâm Pháp y, Sở y tế tỉnh Hà Giang đối với Kháng Mí D kết luận:

*"- Căn cứ Bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành kèm theo Thông tư 22/2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 08% (Tám phần trăm).*

*- Cơ chế hình thành thương tích: Các thương tích trên cơ thể Kháng Mí D do vật bằng kim loại được nung nóng có nhiệt độ cao (khoảng 50$^{0}$C đến 60$^{0}$C), tác động trực tiếp với bề mặt da theo nhiều chiều hướng khác nhau gây nên tổn thương phần mềm, không tổn thương xương."*

Tại bản cáo trạng số: 16/CT-VKS-YM ngày 26/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh đã truy tố các bị cáo Lù Thị C về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" theo quy định tại điểm d, đ, e khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự; bị cáo Vừ Thị C1 về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự; bị cáo Khá Mí P về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d, đ, e khoản 2 Điều 157 điểm b, o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Lù Thị C từ 12 tháng đến 15 tháng tù; áp dụng điểm e khoản 2 Điều 157 điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Vừ Thị C1 từ 09 tháng đến 12 tháng tù; áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 134 điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Khá Mí P từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Do các bị cáo, các bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại đã nhất trí thỏa thuận xong, tại phiên tòa không ai có yêu cầu gì khác nên không đề cập giải quyết.

Về vật chứng: - 01 thanh kim loại màu đen, một đầu nhọn, một đầu cong gập, dài 69 cm; 01 con dao quắm bằng kim loại dài 46 cm, chuôi bằng gỗ dài 19 cm, bản rộng nhất 3,5 cm; 01 đoạn dây màu đen, một đầu buộc thắt nút, dài 2,02 m; 01 đoạn dây bằng vải, màu xanh nhiều hoa văn dài 5,15 m, rộng 20 cm là vật chứng của vụ án đã thu giữ được trong quá trình điều tra, xét thấy không có giá trị sử dụng nên cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015 và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật TTHS năm 2015 để tịch thu và tiêu hủy;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, loại bàn phím của Khá Mí P sử dụng để liên lạc hằng nghày xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần dụng điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS năm 2015 để trả lại cho bị cáo.

Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí cho các bị cáo vì thuộc diện được miễn án phí và có đơn xin miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, các bị cáo không tranh luận chỉ xin được hưởng án treo.

Các bị hại, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, người người đại diện của bị hại đều nhất trí với tội danh, mức hình đề nghị của Viện kiểm sát và đều xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; về trách nhiệm dân sự không có đề nghị nghị bồi thường gì thêm; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo C là 12 tháng tù, bị cáo C1 09 tháng tù, bị cáo P 06 tháng tù.

Người bào chữa cho bị cáo Khá Mí P nhất trí với tội danh điều khoản truy tố, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử lý vật chứng, án phí của Viện kiểm sát đối với bị cáo P, đồng thời khẳng định việc truy tố đối với hành vi phạm tội của bị cáo P là đúng người đúng pháp luật. Tuy nhiên mức đề nghị hình phạt đối với bị cáo P là quá nghiêm khắc không thể hiện sự khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa, vì bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả cho các bị hại được số tiền 500.000đ, mặt khác bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo không được học hành nên dẫn đến nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế, bị cáo hiện là lao động chính còn phải nuôi con nhỏ, tại phiên tòa bị hại và người đại diện của họ đều có đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; về nguyên nhân dẫn đến bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là phần lớn do lỗi của các bị hại, nên bị cáo mới dạy bảo, giáo dục các bị hại, tuy nhiên do nhận thức pháp luật hạn chế dẫn đến cách làm của bị cáo gây ra thương tích đối với các bị hại. Chính vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54, Điều 65 của Bộ luật hình sự để áp dụng mức khởi điểm của khung hình phạt đối với bị cáo và cho bị cáo được hưởng 06 tháng tù cho hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát không nhất trí với mức hình phạt mà người bào chữa cho bị cáo P đề nghị, vì bị cáo có 2 tình tiết định khung về tội cố ý gây thương tích, mặt khác hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, mang tính chất man rợ, không những hưởng đến sức khỏe của người khác mà còn gây ra dư luận xấu và sự phát triển về tâm sinh lý đối với trẻ em là đối tượng được pháp luật bảo vệ, đồng thời giữ nguyên quan điểm về khung hình phạt đề nghị đối với bị cáo P; đối với ý kiến của các bị cáo C, C1 xin hưởng án treo, tuy nhiên không đưa ra được những căn cứ thuyết phục do vậy Đại diện vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị về mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Khá Mí P bị cáo có 3 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, mặt khác xét động cơ mục đích phạm tội của bị cáo xuất phát từ việc mong muốn giáo dục các bị hại nên người, do vậy mức đề nghị của Viện Kiểm sát đưa ra là quá nghiêm khắc, không tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc quyết định.

Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm không tranh luận đối đáp gì thêm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố xét xử đều được thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có khiếu nại, tố cáo trong quá trình Điều tra, truy tố, xét xử. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố xét xử đều hợp pháp; Về tính hợp pháp của các chứng cứ tài liệu do Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng cung cấp đều được đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có khiếu nại, tố cáo trong quá trình Điều tra, truy tố, xét xử. Do đó các chứng cứ tài liệu do Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng cung cấp đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng Cháu Mùa Thị L, ông Thò Chá H, bà Hầu Thị V, người đại diện hợp pháp của người làm chứng ông Mùa Mí S. Tuy nhiên đã có lời khai lưu trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

[3] Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà hôm nay các bị cáo Lù Thị C, Vừ Thị C1 đã khai nhận khoảng 22 giờ, ngày 11/8/2022 Lù Thị C chỉ đạo Vừ Thị C1 dùng 01 sợi dây điện trói Kháng Mí S để gọi người đến để dạy dỗ, sau khi cho S ăn cơm xong C tiếp tục bảo Mùa Thị L trói S lại. Đến sáng ngày 12/8/2022 L cởi trói cho S ăn cơm xong C lại trói S lại vị trí cũ, sau đó S thoát được và bỏ trốn, L tự đi tìm được S và Kháng Mí D rồi giao lại cho C, C buộc S và D vào bụi cây tre với mục đích để gọi Khá Mí P đến để dạy dỗ S Và D; Khá Mí P sau khi nhận được điện thoại từ C bảo đến nhà C1 để dạy dỗ S và D, P đã một mình chuẩn bị củi để nhóm lửa sau đó lấy 01 thanh sắt và 01 con dao hơ nóng rồi dí nhiều lần vào chân tay của S và D khiến cả hai cháu S, D bị bỏng.

[4] Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của chính các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với biên bản xác định hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có lưu trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 22 giờ ngày 11/8/2022 Lù Thị C phân công Vừ Thị C1 dùng 01 sợi dây điện trói Kháng Mí S, sau khi cho S ăn cơm xong C tiếp tục bảo Mùa Thị L trói S lại. Đến sáng ngày 12/8/2022 L cởi trói cho S ăn cơm xong C lại trói S lại vị trí cũ, Do S tự cởi trói bỏ trốn lên hang đá cùng Kháng Mí D. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày S tự cởi trói bỏ trốn lên hang đá cùng Kháng Mí D. Đến khoảng 11 giờ ngày 12/8/2022, Mùa Thị L tìm thấy S và D nên lấy 01 đoạn dây vải trói cả hai lại đưa

về giao cho C, C đã buộc S và D ở bụi cây tre gần nhà C1 gọi điện thoại cho Khá Mí P đến để dạy dỗ S và D. Sau khi thấy trời mưa nên L đã đưa S và D vào trói ở thành giường trong nhà C1. Đến khoảng hơn 12 giờ cùng ngày P đến nơi S và D đang bị trói, P đã đi nhóm bếp và lấy 01 thanh kim loại và 01 con dao quắm cho vào bếp làm nóng rồi lấy thanh sắt và con dao quắm dí nhiều lần vào tay, chân của S và D gây thương tích với tỷ lệ thương tích của S là 10%, D là 8%.

[5] Hành vi nêu trên của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp quyền tự do cá nhân, thân thể, sức khỏe của trẻ em, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội, các bị cáo đều có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên có thể nhận thức được quyền về tự do cá nhân, thân thể, sức khỏe của người khác đặc biệt là trẻ em là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ; tuy với mục đích bắt giữ các bị hại để nhằm mục đích gọi người đến dạy dỗ, giáo dục, nhưng hành vi bắt giữ người nêu trên của các bị cáo C, C1 là trái pháp luật; hành vi của bị cáo P dùng thanh kim loại và con dao hơ nóng rồi dí lên người các bị hại gây thương tích nhằm mục dích để dạy dỗ các cháu đã xâm phạm đến sức khỏe của các bị hại. Hành vi của bị cáo Lù Thị C đã đủ yếu tố cấu thành tội "Bắt giữ người trái pháp luật" theo quy định tại điểm d, đ, e khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Vừ Thị C1 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Khá Mí P đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

[6] Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi, vai trò phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến dư luận quần chúng nhân dân. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý và là đồng phạm giản đơn. Đối với hành vi của bị cáo Lù Thị C và Vừ Thị C1 bắt trói Kháng Mí S và Kháng Mí D không có sự bàn bạc thống nhất trước với Khá Mí P nên P không liên quan đến hành vi bắt giữ người trái pháp luật; hành vi của bị cáo Khá Mí P dùng thanh sắt và con dao quắm nung nóng gây thương tích cho Kháng Mí S và Kháng Mí D, P không bàn bạc và không có ai giúp sức P thực hiện hành vi cố ý gây thương tích nên Lù Thị C và Vừ Thị C1 không liên quan đến hành vi cố ý gây thương tích, cụ thể như sau:

[6.1] Bị cáo Lù Thị C là người khởi xướng, C đã 01 lần phân công C1 bắt trói S, 01 lần bảo cháu L trông coi và trói S lại, 01 lần Chứa tự thực hiện việc trói S vào chân gường nhà C1, 01 lần Chúa tự thực hiện buộc S và D vào gốc tre. Tại thời điểm xảy ra vụ việc khi đó bị hại Kháng Mí S mới 11 tuổi, 11 tháng, 07 ngày; bị hại Kháng Mí D mới 09 tuổi, 09 tháng 16 ngày. Hành vi của bị cáo C là phạm tội 02 lần trở lên, đối với 02 người trở lên, đối với người dưới 18 tuổi.

[6.2] Bị cáo Vừ Thị C1 với vai trò là người giúp sức tích cực vì khi thấy bị cáo C phân công trói bị hại S, bị cáo không can ngăn mà hưởng ứng thực hiện việc bắt trói bị hại S bằng sợi dây điện sau đó buộc vào chân giường nhà bị cáo C rồi đi về. Hành vi phạm tội của bị cáo C1 đã thực hiện đối với bị hại là trẻ em.

[6.3] Bị cáo Khá Mí P một mình bị cáo thực hiện hành vi dung thanh sắt và con dao hơ nóng trên lửa sau đó dí nhiều lần vào chân tay của bị cáo S và D gây bỏng với tỉ lệ tổn thương cơ thể của S là 10% và D là 8%. Hành vi phạm tội của bị cáo

gây ra là dùng hung khí nguy hiểm gây nguy hại cho nhiều người (02 người); đối với người dưới 16 tuổi.

[7] Hội đồng xét xử thấy cần phải xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự với mức án nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên khi lượng hình cần có mức án đối với bị cáo C cao hơn so với bị cáo C1 mới tương xứng với vai trò của từng bị cáo về hành vi bắt giữ người trái pháp luật; đối với bị cáo Khá Mí P một mình thực hiện hành vi cố ý gây thương tích nên cần có mức án tương xứng với hành vi của bị cáo mới thể thể hiện được sự bình đẳng trước của các bị cáo pháp luật.

[8] Về tình tiết định khung tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cụ thể như sau:

[9.1] Bị cáo Lù Thị C: Là người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại; người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên; người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu; bị hại và người đại diện xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo không được học hành nên nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để áp dụng mức hình phạt dưới khung đối với bị cáo.

[9.2] Bị cáo Vừ Thị C1: Là người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại; người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu; bị cáo là đồng phạm với vai trò giúp sức trong vụ án; bị hại và người đại diện xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo không được học hành nên nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế là những tình tiết giảm nhẹ theo theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để áp dụng mức hình phạt dưới khung đối với bị cáo.

[9.3] Bị cáo Khá Mí P: Là người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã đầu thú; bị hại và người đại diện xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo không được học hành nên nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[10] Cần áp dụng Điều 123 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Lù Thị C, Vừ Thị C1 kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 30/11/2022 cho đến khi các bị cáo đi chấp hành án.

[11] Cần áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quyết định tạm giam bị cáo Khá Mí P 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

[12] Đối với hành vi của Mùa Thị L trói tay Kháng Mí S khi được bị cáo C bảo; hành vi trói tay chân Kháng Mí S và Kháng Mí D đưa về giao cho bị cáo Lù Thị C để Chúa buộc S, D vào gốc cây, sau đó lại đưa S và D vào buộc ở giường ngủ tại nhà bị cáo Vừ Thị C1. Có dấu hiệu phạm tội bắt, giữ người trái pháp luật, tuy nhiên tại thời điểm thực hiện hành vi nêu trên Mùa Thị L mới 15 tuổi 03 tháng 15 ngày. Do vậy Mùa Thị L không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi bắt, giữ người trái pháp luật theo quy định tại Điều 12 Bộ luật Hình sự. Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Minh đã có công văn đề nghị UBND xã D, huyện Y áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn (theo khoản 3 Điều 14 Nghị định số: 120/2021 của Chính phủ) là thỏa đáng, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 07/10/2022 bị cáo Lù Thị C và bị cáo Vừ Thị C1 đã chủ động thỏa thuận với người đại diện của bị hại bồi thường về phần dân sự cho bị hại cụ thể bị cáo Lù Thị C bồi thường cho bị hại Kháng Mí S và Kháng Mí D số tiền 200.000đ, bị cáo Vừ Thị C bồi thường cho bị hại Kháng Mí S 200.000đ. Đại diện bị hại đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự. Ngày 10/10/2022 bị cáo Khá Mí P đã tác động để vợ của bị cáo là bà Lù Thị M đã thỏa thuận bồi thường cho bị hại Kháng Mí S và Kháng Mí D 500.000đ, đại diện bị hại đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự. Tại phiên tòa ngày hôm nay bị hại và người đại diện của bị hại không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Về vật chứng: Cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, để xử lý như sau:

[14.1] Tịch thu tiêu hủy đối với các vật chứng là công cụ phương tiện phạm tội và vật chứng không có giá trị sử dụng, chủ sở hữu tài sản không có yêu trả lại tài sản gồm: 01 thanh kim loại màu đen, một đầu nhọn, một đầu cong gập, dài 69 cm; 01 con dao quắm bằng kim loại dài 46 cm, chuôi bằng gỗ dài 19 cm, bản rộng nhất 3,5 cm; 01 đoạn dây màu đen, một đầu buộc thắt nút, dài 2,02 m; 01 đoạn dây bằng vải, màu xanh nhiều hoa văn dài 5,15 m, rộng 20 cm.

[14.2] Trả lại vật chứng là: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, loại bàn phím đã qua sử dụng cho Khá Mí P vì là phương tiện liên lạc hằng ngày và không liên quan đến hành vi phạm tội.

[15] Về án phí: Cần áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lù Thị C, Vừ Thị C1, Khá

Mí P vì đều là dân tộc thiểu số sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo Chúa, Pó là cá nhân thuộc diện hộ nghèo, ngoài ra bị cáo Chúa là người già và các bị cáo đều đã có đơn xin miễn án phí gửi cho Tòa án.

[16] Do vậy, quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, người đại diện cho bị hại là có căn cứ pháp luật để chấp nhận.

[17] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo P về áp dụng Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự để áp dụng mức khởi điểm của khung hình phạt đối với bị cáo và cho bị cáo được hưởng 06 tháng tù cho hưởng án treo, là không tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra do vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Về tội danh:** Tuyên bố các bị cáo Lù Thị C, Vừ Thị C1 phạm tội "Bắt giữ người trái pháp luật"; bị cáo Khá Mí P phạm tội "Cố ý gây thương tích".

**2. Về Hình Phạt:**

Căn cứ điểm d, đ, e khoản 2 Điều 157; điểm b, o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lù Thị C 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lù Thị C1 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ Điều 123 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Lù Thị C, Vừ Thị C1 kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 30/11/2022 cho đến khi các bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Khá Mí P 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 20/8/2022).

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quyết định tạm giam bị cáo Khá Mí P 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

**3. Về xử lý vật chứng:** Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy đối với: 01 thanh kim loại màu đen, một đầu nhọn, một đầu cong gập, dài 69 cm; 01 con dao quắm bằng kim loại dài 46 cm, chuôi bằng gỗ dài 19 cm, bản rộng nhất 3,5 cm; 01 đoạn dây màu đen, một đầu buộc thắt nút, dài 2,02 m; 01 đoạn dây bằng vải, màu xanh nhiều hoa văn dài 5,15 m, rộng 20 cm.

Trả lại vật chứng là: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, loại bàn phím đã qua sử dụng cho bị cáo Khá Mí P.

*(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Điều tra Công an huyện Yên Minh và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Minh lập ngày 01/11/2022)*

**4. Về án phí:** Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lù Thị C, Vừ Thị C1, Khá Mí P mỗi bị cáo là 200.000$^{đ}$ (hai trăm nghìn đồng).

**5. Về quyền kháng cáo:** Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Các bị cáo, các bị hại và người đại diện của bị hại có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- Bị cáo;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Trại tạm giam công an tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Yên Minh;
- Cơ quan Điều tra Công an huyện Yên Minh;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Yên Minh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Yên Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Văn Đạng**